

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2023/ HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2023.
“V/v ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Ngọc Chiến.
- Bà Bùi Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Lê - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2023/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thu T, sinh năm 1999; nơi thường trú: tổ G, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: tổ F, khu H, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt và có đơn xin xử án vắng mặt.

2. Bị đơn: anh Mai Thành Đ, sinh năm 1993; nơi thường trú: tổ G, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xử án vắng mặt, nguyên đơn chị Hoàng Thu T trình bày: chị và anh M Thành Đạt kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 15/02/2022 sau thời gian tìm hiểu 4 tháng. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà tại ngõ I, đường N, khu T, phường C, thành phố C sinh sống. Anh chị chung sống hạnh phúc được gần 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra, cả hai đã quyết định sống ly thân, ai về nhà bố mẹ đẻ

của người ấy sinh sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đ không quan tâm đến gia đình và cả hai bất đồng quan điểm sống. Từ việc mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến việc anh chị thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung mệt mỏi và cả hai đã quyết định sống ly thân. Bản thân chị thấy mình không có lỗi gì trong việc phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Chị đã khuyên nhủ và động viên anh Đ rất nhiều nhưng anh Đ không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết, cả hai vẫn xảy ra cãi vã và tranh chấp. Do trước đây anh chị ở trọ và sau đó ly thân ai về nhà người ấy nên tổ dân khu phố chưa tiến hành hòa giải cho anh chị. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải, vun vén cho anh chị nhưng không có kết quả. Trong suốt quá trình sống ly thân, chị và anh Đ không quan tâm đến nhau. Chị đã nói với anh Đ về việc muốn ly hôn, anh Đ cũng đồng ý ly hôn nhưng hiện tại anh Đ đang đi làm xa nên không đến Tòa án giải quyết ly hôn được. Cho đến thời điểm này, chị và anh Đ đã không còn tình cảm yêu thương vợ chồng dành cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Thành Đ.

Về con chung: chị và anh Đ không có con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: do mới về chung sống chưa được bao lâu, công việc không ổn định nên anh chị không có tài sản chung và không vay nợ chung gì ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Mai Thành Đ, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến trụ sở Tòa án để giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thu T, nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã xác minh tại địa phương và gia đình anh Đ về tình trạng hôn nhân của chị T và anh Đ. Kết quả xác minh cho thấy, sau khi xác định không thể chung sống cùng nhau, chị T và anh Đ đã sống ly thân với nhau, thời gian ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay. Khi ly thân chị T và anh Đ về nhà bố mẹ đẻ của mình sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách cả hai không hợp nhau, cả hai đều còn ít tuổi, suy nghĩ chưa chín chắn nên không ai nhường ai và không thể tìm được tiếng nói chung với nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải cho 2 vợ chồng anh chị nhưng không có kết quả. Nay anh Đ cũng muốn ly hôn với chị T nhưng do đang đi làm xa, công việc bận rộn nên không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn được. Chị T và anh Đ không có con chung cũng như không có tài sản chung và vay nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách tố tụng các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử và các thủ tục tố tụng khác. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung, căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ

vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thu T**. Chị **T** được ly hôn với anh **Mai Thành Đ**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh **Mai Thành Đ** có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại **tổ G, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh** nên yêu cầu xin ly hôn của chị **Hoàng Thu T** thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh **Đ** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, chị **T** vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xử án vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa chị **Hoàng Thu T** và anh **M** Thành Đạt là hợp pháp, được Ủy ban nhân dân phường **C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh** cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 15/02/2022. Trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn và không thể giải quyết được nên từ tháng 01 năm 2023 đến nay, chị **T** và anh **Đ** đã sống ly thân và không có sự quan tâm, chăm sóc dành cho nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai bất đồng quan điểm sống, bản thân cả hai đều còn trẻ, sự nhường nhịn nhau không có nên càng không thể tìm được tiếng nói chung và không thể chung sống cùng nhau. Cuộc sống chung vợ chồng không có, tình cảm yêu thương vợ chồng dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **T** đề nghị được ly hôn anh **Đ**.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh **Đ** đến làm việc để nắm được tâm tư, nguyện vọng của anh **Đ**, trên cơ sở đó tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa chị **T** và anh **Đ** nhưng anh **Đ** đều vắng mặt. Điều đó thể hiện sự không hợp tác trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng của bị đơn anh **Mai Thành Đ**. Bên cạnh đó, qua quá trình xác minh tại gia đình anh **Đ** thể hiện anh **Đ** đồng ý ly hôn nhưng do hiện tại anh đi làm xa, công việc bận rộn không xin nghỉ được nên anh không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn. Chị **T** và anh **Đ** không có sự quan tâm, chăm sóc dành cho nhau, bản thân anh chị đã xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau và muốn ly hôn nên việc giải quyết cho chị **T** và anh **Đ** ly hôn là phù hợp.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **T** và anh **Đ** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị **T** là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: chị **T** và anh **Đ** không có con chung

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: chị **T** và anh **Đ** không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: chị **T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân gia và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Hoàng Thu T.**

1. Về quan hệ hôn nhân: chị **Hoàng Thu T** được ly hôn với anh **Mai Thành Đ.**

2. Về con chung: không có.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: không có.

4. Về án phí: chị **T** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005325, ngày 12/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị **T** đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- CCTHADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Thành